TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-03-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vũ Mạnh Hùng
2. Bà Ngô Thị Hoa

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Tiến Thành – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lộc Hồng Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị G, sinh năm 1999
Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Đỗ Trường G, sinh năm 1995
Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Triệu Thị G trình bầy: Tôi và anh Đỗ Trường G kết hôn với nhau là tự nguyện. Đăng ký ngày 28 tháng 04 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ chồng ở thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 08/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tôi và anh G có đi làm ăn xa tại tỉnh Bắc Ninh, trong thời gian đó tôi có nghi ngờ anh G quan hệ với người phụ nữ khác, tôi có khuyên bảo nhiều lần nhưng bản thân anh G không thay đổi, không chịu được cuộc sống như vậy tháng 10/2020 tôi về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn N, xã N, huyện V sinh sống. Cũng từ thời gian đó cho đến nay anh G cũng không quan tâm đến tôi và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay tôi xác định không còn tình cảm vợ chồng. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh G.

Về con chung: Có 01 cháu: Đỗ Triệu Thiên L sinh ngày 06/08/2017. Hiện nay cháu L đang ở cùng anh G và gia đình anh G. Khi ly hôn tôi và anh G thỏa thuận anh G nuôi cháu L và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con. Tôi đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên đã nhiều lần báo gọi và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh G không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án. Hiện nay hộ khẩu của anh G tại thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các giấy tờ của Tòa án cho anh G. Bà Hoàng Thị L là mẹ đẻ anh G đã trực tiếp nhận các văn bản giấy tờ báo gọi của Tòa án thay cho anh G. Bà L đã thông báo và giao lại cho anh G biết việc Tòa án báo gọi xuống để giải quyết việc chị Triệu Thị G xin ly hôn anh. Nhưng anh G cố tình trốn tránh không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Triệu Thị G được ly hôn anh Đỗ Trường G.

Về con chung: Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Đỗ Triệu Thiên L sinh ngày 06/08/2017 cho anh Đỗ Trường G nuôi dưỡng. Chị Triệu Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị G là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Triệu Thị G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị G và anh Đỗ Trường G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 28 tháng 04 năm 2017 là hôn nhân hợp pháp. Chị G cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 08/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị G và anh G có đi làm ăn xa tại tỉnh Bắc Ninh, trong thời gian đó chị G có nghi ngờ anh G quan hệ với người phụ nữ khác, chị G có khuyên bảo nhiều lần nhưng bản thân anh G không thay đổi, không chịu được cuộc sống như vậy tháng 10/2020 chị G về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn N, xã N, huyện V sinh sống. Cũng từ thời gian đó cho đến nay anh G cũng không quan tâm đến chị G và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị G xin ly hôn anh G là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị G và anh G hiện nay đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai nữa. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị G và anh G đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị G được ly hôn anh G là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 01 cháu: Đỗ Triệu Thiên L sinh ngày 06/08/2017. Hiện nay cháu L đang ở cùng anh G và gia đình anh G. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu L được ổn định, đầy đủ và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu. Do vậy cần giao cháu Đỗ Triệu Thiên L cho anh Đỗ Trường G nuôi dưỡng. Chị Triệu Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị G đồng ý. Việc giao con chung không trái với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị G là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Triệu Thị G.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị G được ly hôn anh Đỗ Trường G.

2. Về con chung: Có 01 cháu: Đỗ Triệu Thiên L sinh ngày 06/08/2017.

Xử giao cháu Đỗ Triệu Thiên L cho anh Đỗ Trường G trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Chị Triệu Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị G được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự (2)
- UBND xã C.
- Lưu HS (2)-TQĐ(2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Thoảng